

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH HẢI D1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HS-ST

Ngày: 06-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH HẢI D1

T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng.

2. Bà Trần Thị Nhi.

- ***T7 ký phiên tòa:*** Ông Trần Thăng Long - T7 ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải D1.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải D1 tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Long - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải D1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2024/HSST ngày 23 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HS ngày 25/01/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1992; tại K, Hải D1; nơi cư trú: Khu dân cư V, phường P, thị xã K, tỉnh Hải D1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị T3; gia đình có 02 chị em, bị cáo thứ hai; có vợ là Đồng Thị P1 và 02 con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã K từ ngày 16/6/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc T2**, sinh năm 1998 tại K, Hải D1; nơi cư trú: Khu dân cư L 1, phường H, thị xã K, tỉnh Hải D1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T4 và bà Đặng Thị Đ1; gia đình có 02 anh em, bị cáo thứ nhất; có vợ là Lê Thị Quỳnh C1 và 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải D1 từ ngày 16/6/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1: Bà Lê Thị Thu H6-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải D1. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn T4, anh Ngô Văn D1, anh Đào Văn T4, anh Phạm Văn T5, anh Đào Văn Đ2, chị Hoàng Thị Đ3, anh Chị Cà Thị D3, chị Lý Thị L3, chị Kha Thị H6, chị Triệu Thị T7. *Đều vắng mặt tại phiên toà.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 13/6/2023, Nguyễn Ngọc T2, Nguyễn Văn T1 cùng với Nguyễn Văn T4, sinh năm 1992, trú tại: Khu dân cư V, phường P, thị xã K, tỉnh Hải D1; Ngô Văn D1, sinh năm 1991, trú tại: Khu dân cư Kinh Hạ, phường An Lưu, thị xã K, tỉnh Hải D1; Phạm Văn T5, sinh năm 1989, trú tại: Thôn An Bộ, xã Hiệp Hòa, thị xã K, tỉnh Hải D1 và Đào Văn Đ2, sinh năm 1992, trú tại: Khu dân cư Nghĩa Vũ, phường An Sinh, thị xã K, tỉnh Hải D1 đến nhà Đào Việt T4, sinh năm 1991, trú tại: Khu dân cư Kim Xuyên 4, phường An Sinh, thị xã K, tỉnh Hải D1 chơi và uống bia. Tại đây cả bọn thống nhất sau khi uống bia xong thì đi hát tại quán Karaoke Thúy Đàn thuộc khu dân cư Đông Hà, phường An Phụ, thị xã K, tỉnh Hải D1.

Sau khi ăn xong, cả bọn cùng đi, D1, Đ2, T5 đến trước và gặp chị Hoàng Thị Đ3, sinh năm 1987-Là quản lý quán Karaoke Thúy Đàn thuê phòng hát số 301 và 04 nhân viên phục vụ rót bia, bấm bài. Lúc này, Đ2 có việc nên đi về trước.

Trên đường đi T1 nảy sinh ý định mua ma túy về quán Karaoke để sử dụng nên đã đi bộ ra khu vực ngã tư Tây Sơn thuộc phường H, thị xã K để tìm mua ma túy tổng hợp (gọi là “ke”). Tại đây T1 gặp một người đàn ông không quen biết, hỏi và mua của người này 01 gói ma túy “ke” với giá 1.000.000 đồng. Sau đó T1 cầm gói ma túy đi bộ về quán Karaoke Thúy Đàn.

Khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, T1 đến quán Karaoke Thúy Đàn vào phòng 301. T1 để gói ma túy vừa mua lên trên mặt bàn và mời mọi người sử dụng. T1 lấy 01 thẻ ATM của T1 để lên bàn rồi đi vệ sinh. Lúc này có 04 nhân viên nữ vào trong phòng hát gồm: Cà Thị D3, sinh ngày 08/8/2006, trú tại: Bản Cúp, xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La; Lý Thị L3, sinh năm 1997, trú tại: xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Kha Thị H6, sinh năm 1998, trú tại: xã Mai Sơn, huyện Tương D1, tỉnh Nghệ An; Triệu Thị T7, sinh ngày 23/8/2008, trú tại: xóm Tảng, xã Tam T2, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. T2 để đĩa sứ lên bàn và được T1 đưa cho tờ giấy ăn thì T2 hiểu là đốt giấy để hơ đĩa cho khô để sử dụng ma túy. T2 cầm đĩa ra góc phòng hát đốt giấy hơ khô đĩa. Sau đó, T2 đi ra chỗ T4 đang đứng hát hỏi vay tiền. T4 đưa cho T2 tờ tiền polime mệnh giá 20.000 đồng rồi tiếp tục hát cùng nhân viên và không để ý mọi người trong phòng làm gì. T2 cầm tờ tiền đi ra cửa quán T1 01 ống hút. Sau đó, T2 lấy ma túy “ke” trên mặt bàn đổ ra đĩa sứ và dùng thẻ ATM ngH6 nhỏ, chia

T1 các luống nhỏ. T2 cầm đĩa ma túy đi mời T1, T4, D1, T5, H6 và Lại sử dụng rồi T2 tự sử dụng ma túy và để đĩa ma túy lên mặt bàn. Một lúc sau T1 cầm đĩa ma túy mời Cà Thị D3 sử dụng.

Đến 19 giờ 45 phút cùng ngày, Tổ công tác thuộc Công an thị xã K phối hợp với Công an phường An Phú kiểm tra, phát hiện, thu giữ trên mặt đĩa sứ lượng chất bột màu trắng (được niêm phong ký hiệu M1); 01 đĩa sứ màu trắng hình hình bầu dục, 01 thẻ ngân hàng MB mang tên “ NGUYEN VAN T2”, 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền polime mệnh giá 20.000 đồng và 03 vỏ lọc điều thuốc lá, 01 bật lửa gas màu đỏ được cho vào hộp bìa cứng (niêm phong ký hiệu M2). Thu của Nguyễn Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, kèm sim.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra phối hợp với Trung tâm y tế thị xã K tiến hành test thử ma túy các đối tượng, kết quả: T4, T2, T5, Lại, D3 và H6 đều D1 tính với chất ma túy, đã sử dụng ma túy tổng hợp loại Ketamine; T1 D1 tính với ma túy loại Ketamine và Methamphetamine; D1 và T7 âm tính với ma túy.

Tại Kết luận giám định số 312/KL-KTHS, ngày 15/6/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Hải D1 kết luận: Chất bột màu trắng trong túi nilon màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 gửi đến giám định có khối lượng 0,422g, là ma túy, loại Ketamine; chất bột màu trắng bám dính bên trên đĩa sứ, trong lòng ống hút, trên mép thẻ nhựa được niêm phong trong hộp bìa catton, ký hiệu M2 gửi đến giám định là ma túy, loại Ketamine, lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng.

Tại bản Cáo trạng số 93/CT-VKS ngày 30 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân (*Viết tắt: VKSND*) thị xã K, tỉnh Hải D1 truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Ngọc T2 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự (*Viết tắt: BLHS*).

Tại phiên tòa:

- VKSND thị xã K giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử (*Viết tắt: HĐXX*): Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58 và 38 của BLHS; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T2 từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo; về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu huỷ: 0,330g ma túy loại Ketamine, 01 vỏ túi nilon màu trắng; 01 vỏ phong bì ký hiệu M1; 01 đĩa sứ hình bầu dục màu trắng; 01 thẻ nhựa ngân hàng MB mang tên “NGUYEN VAN T2”; 01 bật lửa gas màu đỏ. Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng;

Trả lại: Bị cáo Nguyễn Văn T1 01 điện thoại di động Iphone 7, màu đen, kèm sim; về án phí: Miễn án phí cho bị cáo T1, buộc bị cáo T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1 trình bày:* Nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của đại diện VKSND thị xã K. Đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 07 năm 06 tháng đến 07 năm 09 tháng tù và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- *Bị cáo Nguyễn Văn T1 khai nhận:* Nhất trí với bài bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý. Bị cáo xác định lời khai của mình tại các bản cung vào các ngày 13, 14 và 16/06/2023 với nội dung xác định Đ2 là người bảo bị cáo ra ngã tư Tây Sơn, phường H để gặp Duy lấy ma túy là không đúng sự thật. Lý do bị cáo khai như vậy là nghi ngờ Đ2 là người báo Công an. Bị cáo xác định những lời khai sau này là đúng, Đ2 không bảo bị cáo đi lấy ma túy mà do bị cáo tự đi ra ngã tư Tây Sơn, phường H gặp 01 người không quen biết tự giới thiệu tên là Duy và mua ma túy của người này với số tiền 1.000.000 đồng; đối với Nguyễn Văn Duy-Là bạn của Đ2 bị cáo không quen biết. Trước đó Đ2 có hỏi vay bị cáo 2.000.000 đồng để trả nợ Duy và đã nhấn số tài khoản và số điện thoại của Duy. Sau khi chuyển khoản cho Duy, bị cáo có gọi điện lại cho Duy để xác nhận nhưng không liên lạc được nên đã gọi điện cho Đ2 để Đ2 liên lạc với Duy. Quá trình điều tra sau này, Cơ quan điều tra đã cho bị cáo nhận dạng Duy nhưng bị cáo không nhận dạng được. Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX xem xét xử phạt các bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất.

- *Bị cáo Nguyễn Ngọc T2 khai nhận:* Quá trình mọi người uống bia và đi hát bị cáo không thấy ai bàn bạc về việc sử dụng ma túy tại quán Karaoke. Khi đi đến cổng nhà anh Đ2, anh T4 có đưa cho bị cáo chiếc đĩa và bảo "cầm lấy". Bị cáo không biết mục đích mang theo đĩa sứ để làm gì và đã cầm đến quán Karaoke Thúy Đàn. Tại Phòng 301 Quán Karaoke Thúy Đàn, bị cáo để đĩa sứ lên bàn và được bị cáo T1 đưa cho tờ giấy ăn thì bị cáo hiểu là đốt giấy để hơ đĩa cho khô để sử dụng ma túy. Bị cáo cầm đĩa ra góc phòng hát đốt giấy hơ khô đĩa rồi đi ra chỗ anh T4 đang đứng hát hỏi vay tiền. Khi vay bị cáo không nói mục đích để làm gì. Sau khi anh T4 đưa cho bị cáo tờ tiền polime mệnh giá 20.000đ thì bị cáo đã sử dụng để làm ống hút. Bị cáo lấy ma túy "ke" trên mặt bàn đổ ra đĩa sứ và dùng thẻ ATM ngH6 nhỏ, chia T1 các luống nhỏ rồi cầm đĩa ma túy đi mời T1, T4, D1, T5, H6 và Lại sử dụng rồi tự mình sử dụng. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị HĐXX xem xét xử phạt các bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về các hành vi, quyết định tố tụng*: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS.

[2]. *Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy*: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, Kết luận giám định, Kết quả test ma túy và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 20 phút, ngày 13/6/2023, tại phòng hát số 301 Quán Karaoke Thúy Đàn, thuộc khu dân cư Đông Hà, phường An Phú, thị xã K, tỉnh Hải D1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc T2 có hành vi cung cấp chất ma túy, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn T4, Phạm Văn T5, Lý Thị L3, Kha Thị H6 và Cà Thị D3, sinh ngày 08/8/2006 (16 tuổi, 10 tháng, 05 ngày) sử dụng trái phép chất ma túy.

[3]. Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép là vi phạm pháp luật, song vì thái độ coi T7ờng pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý tổ chức cho Nguyễn Văn T4, Phạm Văn T5, Lý Thị L3, Kha Thị H6 và Cà Thị D3 sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó, Cà Thị D3 là “người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi” nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu T1 tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của BLHS. Như vậy, Quyết định truy tố của VKSND thị xã K đối với các bị cáo là có căn cứ.

[4]. Hành vi của các bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, xâm phạm trật tự, an T5 xã hội, chế độ quản lý đặc biệt đối với chất ma túy của Nhà nước nên HĐXX thấy cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian thì mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo trở T1 người tốt và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Xét tính chất, vai trò của từng bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo T2, T1 đều là người thực hành tích cực. Trong đó, Nguyễn Văn T1 là người cung cấp ma túy, chuẩn bị thẻ nhựa ATM để kẻ ma túy và trực tiếp mời Cà Thị D3 sử dụng ma túy nên giữ vai trò đầu vụ. Nguyễn Ngọc T2 là người chuẩn bị công cụ sử dụng ma túy (đĩa sứ, ống hút), trực tiếp ngH6 nhỏ ma túy “ke”, chia T1 các luống nhỏ rồi mời T4, D1, H6 và Lại sử dụng nên giữ vai trò thấp hơn T1.

[6]. *Về nhân thân*: Các bị cáo đều có nhân thân tốt.

[7]. *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra

và tại phiên toà các bị cáo đã T1 khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[8]. *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản có giá trị nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9]. *Về xử lý vật chứng*:

[9.1]. Đối với 0,330g ma túy, loại Ketamine; 01 vỏ túi nilon màu trắng; 01 vỏ phong bì ký hiệu M1; 01 đĩa sứ hình bầu dục màu trắng; 01 thẻ nhựa ngân hàng MB mang tên “NGUYEN VAN T2”; 01 bật lửa gas màu đỏ là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng và vật cầm lưu hành nay tịch thu cho tiêu hủy.

[9.2]. Đối với 01 tờ tiền polyme, mệnh giá 20.000đ là công cụ, phương tiện sử dụng phạm tội nay tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[9.3]. Đối với 01 điện thoại di động Iphone 7, màu đen, kèm sim của bị cáo Nguyễn Văn T1, xét không trực tiếp liên quan đến hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên trả lại cho bị cáo.

[9.4]. Đối với 02 đĩa CD chứa dữ liệu hỏi cung các bị cáo T1, T2, được niêm phong trong bì T7 là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên được lưu vào hồ sơ vụ án.

[10]. *Về án phí*: Các bị cáo bị kết án, trong đó bị cáo Nguyễn Văn T1 thuộc diện hộ nghèo, có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T1, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11]. Tại phiên tòa ngày 06/12/2023, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã K đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã K để điều tra bổ sung, làm rõ vai trò của Đào Văn Đ2 có phải là người phân công bị cáo Nguyễn Văn T1 đi mua ma túy và Nguyễn Văn Duy có phải là người bán ma túy cho Nguyễn Văn T1; làm rõ ai là người phân công mang đĩa sứ đến quán Karaoke, mục đích mang đĩa sứ đi để làm gì để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an thị xã K đã tiến hành đối chất, ghi lời khai của Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc T2, Nguyễn Văn T4, Phạm Văn T5, Đào Văn Đ2, Nguyễn Văn Duy, chị Đinh Thị Giỏi (là vợ Duy) và ông Nguyễn Văn T1 (là bố Duy); đã tiến hành cho bị cáo T1 nhận dạng Nguyễn Văn Duy; đã tiến hành rà soát camera các hộ dân tại khu vực ngã tư Tây Sơn, phường H vào khoảng thời gian ngày 13/6/2023. Kết quả điều tra bổ sung xác định: (1). Bị cáo T1, anh Đào Văn Đ2 và anh Nguyễn Văn Duy đều xác định ngày 13/6/2023 có giao dịch số tiền 2.000.000đ thông qua tài khoản ngân hàng của T1 và của anh Duy. Theo đó, bị cáo T1 chuyển số tiền 2.000.000đ vào tài khoản của anh Duy. Đây là tiền

T1 cho Đ2 vay để trả khoản nợ trước đó mà Đ2 có vay của anh Duy. Quá trình liên lạc, nhắn tin qua điện thoại giữa các bên chỉ xoay quanh nội dung giao dịch này. Không có việc anh Duy bán ma túy cho bị cáo T1 thông qua anh Đ2. Chị Đinh Thị Giỏi, ông Nguyễn Văn T1 xác định: Nguyễn Văn Duy ở nhà cùng với vợ và bố, mẹ vào ngày 13/06/2023; (2). Bị cáo T1 không nhận dạng được Nguyễn Văn Duy; (3). Camera của các hộ dân tại khu vực ngã tư Tây Sơn, phường H bị hỏng, không thu giữ được dữ liệu hình ảnh trong khoảng thời gian ngày 13/6/2023; (4). Khi cả nhóm về nhà Đ2 ngồi chơi thì Đ2 có lấy 01 đĩa sứ đưa cho T5 bảo T5 mang ra bàn để đựng hoa quả ăn. Sau đó T5 đưa đĩa sứ cho T4 nhưng không nói gì (T4 nghĩ là cầm hộ T5, không biết cầm để làm gì). T4 cầm đĩa sứ và đưa tiếp cho Nguyễn Ngọc T2 và không nói gì với T2 (Thanh nghĩ là cầm hộ T4 nên cầm theo, không biết để làm gì). Sau đó T4 lái xe và chở T2 đến quán karaoke Thúy Đàn hát. Như vậy, kết quả điều tra bổ sung không đủ căn cứ để chứng minh: Nguyễn Văn Duy là người bán ma túy cho Nguyễn Văn T1 vào ngày 13/06/2023 tại khu vực ngã tư Tây Sơn, phường H; Đào Văn Đ2 là người liên hệ mua ma túy rồi phân công T1 đi lấy ma túy và Đ2 không chuẩn bị đĩa sứ để sử dụng ma túy.

[12]. Trong vụ án này, Nguyễn Văn T1 khai mua ma túy của người đàn ông không quen biết tại khu vực ngã tư Tây Sơn thuộc phường H, thị xã K. Quá trình điều tra không xác định được họ tên, tuổi, địa chỉ của người bán ma túy cho T1, tài liệu điều tra không có chứng cứ khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[13]. Ngô Văn D1, Đào Văn Đ2, Phạm Văn T5 có hành vi thuê Phòng hát Karaoke và 04 nhân viên phục vụ rót bia, bấm bài; Nguyễn Văn T4 có hành vi cho Nguyễn Ngọc T2 vay tiền nhưng D1, Đ2 và T5 không biết việc Nguyễn Văn T1 đi mua ma túy về phòng hát để sử dụng, T4 không biết Nguyễn Ngọc T2 sử dụng tờ tiền để quán ông hút sử dụng ma túy. Quá trình sử dụng ma túy tại phòng hát, Đ2, T5 và T4 không có hành vi nào khác để giúp sức cho T1, T2 trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý D1, Đ2, T5 và T4 là phù hợp.

[14]. Chị Hoàng Thị Đ3 là quản lý quán Karaoke Thúy Đàn, không biết các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát 301 nên hành vi của chị Đ3 không cấu T1 tội phạm. Chủ tịch UBND thị xã K đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ3.

[15]. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn T1, Nguyễn Ngọc T2, Nguyễn Văn T4, Phạm Văn T5, Lý Thị L3, Cà Thị D3, Kha Thị H6 tại quán Karaoke Thúy Đàn đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã K ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58 và 38 của BLHS.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Ngọc T2 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam, ngày 16/6/2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T2 07 (Bảy) năm 05 (Năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam, ngày 16/6/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 47 của BLHS; các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS.

3.1. Tịch thu tiêu huỷ: 0,330g ma túy, loại Ketamine; 01 vỏ túi nilon màu trắng; 01 vỏ phong bì ký hiệu M1 được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1; 01 đĩa sứ, hình bầu dục, màu trắng; 01 thẻ nhựa ngân hàng MB mang tên NGUYEN VAN T2; 01 bật lửa gas màu đỏ; được niêm phong trong hộp bìa catton ký hiệu T2.

3.2. Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 tờ tiền polyme, mệnh giá 20.000đ được niêm phong trong hộp bìa catton ký hiệu T2.

3.3. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T1 01 điện thoại di động Iphone 7, màu đen; số ime 353816088344934; 01 sim số điện thoại 0397.978.988.

3.3. Lưu hồ sơ 02 đĩa CD chứa file ghi âm hỏi cung Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Ngọc T2.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Hải D1 ngày 13/11/2023).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Điều 6; điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T2 phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T1.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 BLTTHS. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải D1;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải D1;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã K;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải D1;
- VKSND thị xã K;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan CSĐT Công an thị xã K;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Bộ phận Hồ sơ nghiệp vụ Công an thị xã K;
- Bị cáo; người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ vụ án.

Đặng Đức Huấn